

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2025.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Quy.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 944/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 08, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp không ghi ngày tháng năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn B chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ngày 05/12/2018.

Chị và anh B sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Đinh Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định B luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn B yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D đối với anh Đinh Văn B.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 B luật tố tụng dân sự; xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D.

- Bị đơn anh Đinh Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 B luật tố tụng dân sự; xử vắng mặt bị đơn anh Đinh Văn B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ D và anh Đinh Văn B xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/2018 ngày 05/12/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh B không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ chứng tỏ anh B không quan tâm đến vợ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với a.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị D khai không có nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 B luật Tổ tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D đối với bị đơn anh Đinh Văn B về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho đơn chị Trần Thị Mỹ D đối với bị đơn anh Đinh Văn B.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014279 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (Chị D đã nộp xong).

6. Anh B, chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Đ (số 187 ngày 05/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

